

Số: *16* /2017/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *16* tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ tư về việc ban hành quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 462/TTr-STC ngày 11/8/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2017 và thay thế Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 23/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT. *mm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên

QUY ĐỊNH

về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2017/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh)

**Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Quy định này quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.
2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định này.
3. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng:

1. Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí dự toán kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Tài chính thông báo.
2. Các dự án, đề án, các chương trình bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó.
4. Đối với các nội dung chi, mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường không quy định tại văn bản này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và của Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải đúng mục đích, đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

**Chương II:
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh:

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

2. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường;

3. Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường;

4. Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh;

5. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh;

6. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ trên địa bàn tỉnh;

7. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích trên địa bàn tỉnh (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính

phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

8. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

9. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

10. Hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị xử lý rác thải và vận hành các công trình xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

11. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do tỉnh quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển;

12. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) trên địa bàn tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

13. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

14. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);

15. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

16. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

17. Các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện:

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định;

2. Tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo thẩm quyền;

3. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện, thành phố;

4. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

5. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được Ủy ban nhân cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án); Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

6. Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn huyện, thành phố;

7. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý;

8. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

9. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo thẩm quyền;

10. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

11. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện (nếu có);

12. Chi hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước của thôn, làng, khu dân cư; Chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định;

2. Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn và tổ chức thực hiện; hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã;

3. Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo quy định các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ hoạt động giám

thiếu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý;

4. Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn xã (Hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo thẩm quyền;

5. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã (nếu có);

6. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã và cấp có thẩm quyền giao.

Chương III: MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Mức chi các hoạt động bảo vệ môi trường.

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Quy định này quy định cụ thể thêm một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường như sau:

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.500	
1.2	Lập dự án	dự án		
	Dự án có giá trị < 500 triệu đồng	dự án	2.500	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng	dự án	3.500	
	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng	dự án	4.500	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Hợp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp Hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	<i>Không tính đối với ủy viên Hội đồng (là thành viên hoặc thư ký Hội đồng) là công chức, viên chức của cơ quan tổ chức thẩm định</i>
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày bằng 180% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
	- Nhiệm vụ		4.000	
	- Dự án			
	Dự án có giá trị < 500 triệu đồng		8.000	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		10.000	
	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng		12.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	600	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	<i>Không tính đối với ủy viên Hội đồng (là thành viên hoặc thư ký Hội đồng) là công chức, viên chức của cơ quan tổ chức thẩm định</i>
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)	người/buổi		
	Người chủ trì		500	
	Thư ký hội thảo		300	
	Đại biểu được mời tham dự		150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	<i>Không tính đối với ủy viên Hội đồng (là thành viên hoặc thư ký Hội đồng) là công chức, viên chức của cơ quan tổ chức thẩm định</i>

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	

3. Ngoài ra một số mức chi quy định tại các văn bản sau:

a) Chi công tác phí và tổ chức các hội nghị, tập huấn theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

b) Chi xây dựng cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các văn bản quy định về định mức, đơn giá khác được cấp có thẩm quyền ban hành.

c) Chi quan trắc môi trường và phân tích mẫu theo định mức, đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành.

d) Chi truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường theo Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

